

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2022/DS-ST
Ngày: 23/5/2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng
góp hụi”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

2/ Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** - thư ký Tòa án nhân dân huyện C

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXX-DS ngày 13/5/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Phan Thanh T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh TG

*** Bị đơn:** Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1965;

Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh TG.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Trần Thị Yến N – sinh năm 2001;

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh TG;

Có mặt: chị T, chị S, chị T;

Chị N có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phan Thanh T trình bày:**

Do quen biết, ngày 20/7/2020 dương lịch (nhằm ngày 30/5/2020 âm lịch), tôi có cho chị Nguyễn Thị Ngọc S và con gái là Nguyễn Thị Thùy T mượn số tiền 170.000.000 đồng. Thỏa thuận, mỗi tháng chị S và chị T trả tôi 1.000.000 đồng, tính từ ngày 18/8/2020 dương lịch (nhằm ngày 30/6/2020 âm lịch) đến khi hết nợ.

Từ ngày 18/8/2020 dương lịch (nhằm ngày 30/6/2020 âm lịch) đến ngày 31/01/2022 dương lịch (nhằm ngày 29/12/2021 âm lịch), chị Sương và chị Trang đã trả cho tôi tổng số

tiền là 13.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 13 tháng). Các lần chị S và chị T trả tiền cho tôi đều có ký tên vào sổ do chị Sương và chị T quản lý.

Tuy nhiên, từ ngày 31/01/2022 dương lịch (nhằm ngày 29/12/2021 âm lịch) đến nay, chị S và chị T không tiếp tục trả tiền cho tôi, mặc dù tôi đã nhiều lần đến nhà đòi. Hiện nay, chị Nguyễn Thị Ngọc S và chị Nguyễn Thị Thùy T còn nợ tôi số tiền 157.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải, chị S cho rằng đây là tiền nợ hụi chứ không phải là tiền vay thì tôi cũng đồng ý. Theo giấy nợ tiền thì chị S có nợ tôi tổng cộng 170.000.000 đồng. Chị S hứa mỗi tháng trả cho tôi 1.000.000 đồng nhưng chị S mới trả cho tôi được 17.000.000 đồng, như vậy, chị S còn nợ tôi 153.000.000 đồng.

Tôi thống nhất với chị S đây là tiền nợ hụi.

Còn tôi tham gia bao nhiêu dây hụi và tham gia bao nhiêu phần thì tôi không nhớ.

Trong Giấy nợ tiền chỉ có chữ ký của tôi và chị T không có chữ ký của chị S nhưng thực chất là nợ của chị S, chị T là con gái chị S nên ký tên để cùng chị S trả nợ cho tôi. Nay chị T không đồng ý cùng chị S trả nợ cho tôi mà để một mình chị S trả cho tôi thì tôi cũng đồng ý.

Do đó, nay tôi thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: tôi yêu cầu chị S trả cho tôi số tiền 153.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực. Tôi không đồng ý cho chị S trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Ngọc S trình bày:***

Tôi là chủ hụi, chị T là hụi viên. Chị T có tham gia nhiều dây hụi do tôi làm chủ hụi. Tôi không nhớ là dây hụi nào. Đến ngày 30/6/2020 âm lịch tôi và chị T có chốt tiền nợ hụi, cụ thể tôi có nợ chị T số tiền 170.000.000 đồng và tôi hứa mỗi tháng trả cho chị T 1.000.000 đồng, bắt đầu trả từ 30/6/2020 âm lịch. Đến nay con gái tôi là chị Thùy T có cho tôi tiền trả cho chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng, chúng tôi đã trả được 17 tháng tương đương 17.000.000 đồng. Nay tôi chỉ còn nợ chị T số tiền 153.000.000 đồng.

Giấy nợ tiền ngày 30/6/2020 âm lịch là do con tôi chị T viết dùm tôi, có chữ ký của chị T và chị T, không có chữ ký của tôi nhưng thực chất đây là nợ của tôi, không có liên quan gì con tôi nên nay tôi muốn một mình tôi trả số tiền 153.000.000 đồng cho chị T. Tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Thùy T trình bày:***

Tôi thống nhất với lời trình bày của mẹ tôi là chị S

Đây là nợ hụi giữa mẹ tôi và chị T không liên quan đến tôi.

Tôi định cùng mẹ tôi trả tiền nợ cho chị T với điều kiện chị T không kiện ra Tòa nhưng nay chị T kiện mẹ tôi thì để mình mẹ tôi trả.

Số tiền 17.000.000 đồng mà mẹ tôi trả cho chị T có tháng là tiền của tôi, có tháng là tiền của mẹ tôi. Số tiền mà tôi trả thay cho mẹ tôi thì tôi không có ý kiến và không yêu cầu gì.

Hiện nay tôi yêu cầu Tòa xem xét số tiền 153.000.000 đồng. Tôi yêu cầu để một mình mẹ tôi là chị S trả cho chị T. Tôi không đồng ý cùng mẹ tôi trả nợ cho chị T nữa. Ở nhà chị T có tên thường gọi là vợ Tám T

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Yến N trình bày:***

Tôi là con của chị Phan Thanh T. Chị S có nợ mẹ tôi tiền nhưng tiền vay hay tiền hụi gì thì tôi không biết nhưng ngày 30/10/2020 âm lịch thì tôi có nhận dùm mẹ tôi 1.000.000 đồng từ chị T (con chị S) và tôi có ký tên. Nay mẹ tôi khởi kiện chị S (mẹ chị T) nhưng mẹ tôi chị T đã trừ ra 1.000.000 đồng mà tôi đã nhận. Ngoài ra thì tôi không biết và cũng không trình bày gì thêm.

* Tại phiên tòa, chị T khẳng định và thống nhất giấy nợ tiền ngày 30/6/2020 âm lịch là giấy tổng kết nợ hụi. Chị S là chủ hụi, chị T là hụi viên. Chị T tham gia bao nhiêu dây hụi do chị S làm chủ hụi thì chị không nhớ, mỗi lần giao tiền hụi thì chị S còn nợ lại chút ít, đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 âm lịch thì chị S chốt lại còn nợ chị T 170.000.000 đồng (do con gái của chị S là Nguyễn Thị Thùy T viết biên nhận và ký tên Nguyễn Thị Thùy T). Đây là nợ của chị S, con gái chị S là chị T muốn viết và làm biên nhận nợ để trả thay cho chị S. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, chị S nói để một mình chị trả nợ cho chị T thì chị T đồng ý. Sau khi làm biên nhận nợ xong thì chị S có trả bớt cho chị mỗi tháng 1.000.000 đồng, tổng cộng là 17.000.000 đồng, do đó, chị S còn nợ lại chị T 153.000.000 đồng tiền hụi. Nay chị yêu cầu chị S trả cho chị 153.000.000 đồng tiền nợ hụi, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại phiên tòa, bị đơn chị S vẫn giữ nguyên những lời trình bày trước đây. Chị S thừa nhận Giấy nợ tiền ngày 30/6/2020 âm lịch là giấy tổng kết nợ hụi, chị không có vay tiền của chị T. Chị thống nhất với lời trình bày của chị T. Chị thừa nhận nợ chị T số tiền 170.000.000 đồng, sau đó con gái chị là chị T đã cùng chị trả nợ hàng tháng 1.000.000 đồng, tổng cộng được 17 tháng tương đương 17.000.000 đồng, nay chị còn nợ chị T 153.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên chị xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến hết nợ. Đây là nợ riêng giữa chị và chị T không liên quan gì đến con chị là chị T. Còn việc con chị có tháng đứng ra trả nợ phụ chị đó là việc của hai mẹ con chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, bị đơn chị T vẫn giữ nguyên những lời trình bày trước đây. Chị thừa nhận Giấy nợ tiền ngày 30/6/2020 âm lịch là giấy tổng kết nợ hụi do chị viết dùm mẹ chị và chị T, lúc đầu chị đứng ra nhận nợ để trả nợ thay cho mẹ chị là chị S, sau đó dịch bệnh nên chị không có khả năng trả nợ nữa. Tại phiên tòa hôm nay, chị không đồng ý thay chị S trả nợ tiếp cho chị T nữa, đó là nợ riêng của chị S (mẹ chị) và chị T, không liên quan gì đến chị. Còn việc chị trả tiền thay cho mẹ chị (trong số tiền 17.000.000 đồng) là chị tự nguyện trả. Chị không có ý kiến gì đối với số tiền chị đã trả thay mẹ chị, đó là việc của hai mẹ con chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu chị S chị T trả cho chị số tiền vay, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” nhưng tại phiên tòa, chị T, chị S, chị T đã thống nhất đó là tiền nợ hụi chứ không phải nợ vay, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Do chị S, chị T có hộ khẩu thường trú tại: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh TG nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh TG.

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về số tiền nợ: Ngày 30/6/2020 âm lịch thì chị T và chị S chốt nợ, chị S còn nợ chị T số tiền nợ hui là 170.000.000 đồng nhưng biên nhận nợ là do chị Nguyễn Thị Thùy T con gái chị S viết và ký tên. Chị T, chị S, chị T thống nhất đây là nợ riêng giữa chị T và chị S. Chị T cũng thừa nhận mỗi tháng có lúc chị S và cũng có lúc con gái chị S là chị T có trả cho chị 1.000.000 đồng, tổng cộng đã trả 17.000.000 đồng nên nay chị S chỉ còn nợ lại chị T 153.000.000 đồng. Lời trình bày của chị T cũng được chị S thừa nhận nên chị T yêu cầu chị S trả cho chị 153.000.000 đồng tiền nợ hui là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu chị S và chị T có trách nhiệm trả nợ cho chị nhưng tại phiên tòa chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị chỉ yêu cầu một mình chị S trả nợ cho chị, xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền 17.000.000 đồng mà chị T, chị S đã trả cho chị T thì có lúc là tiền của chị S, có lúc là tiền của chị T nhưng chị S, chị T thống nhất không tranh chấp và cũng không yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời hạn trả nợ: chị S cho rằng hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chị không làm ra tiền nên chị xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến hết số nợ nhưng yêu cầu này không được chị T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị S xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T được pháp luật bảo vệ nên cần buộc chị S trả cho chị T số tiền 153.000.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên, chị S yêu cầu chị T trả số tiền nợ hui 153.000.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thanh T

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc S trả cho chị Phan Thanh T số tiền 153.000.000 đồng (một trăm, năm mươi ba triệu đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu 7.650.000 (bảy triệu, sáu trăm, năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Phan Thanh T số tiền 3.925.000 đồng (ba triệu, chín trăm, hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005624 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh TG

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

